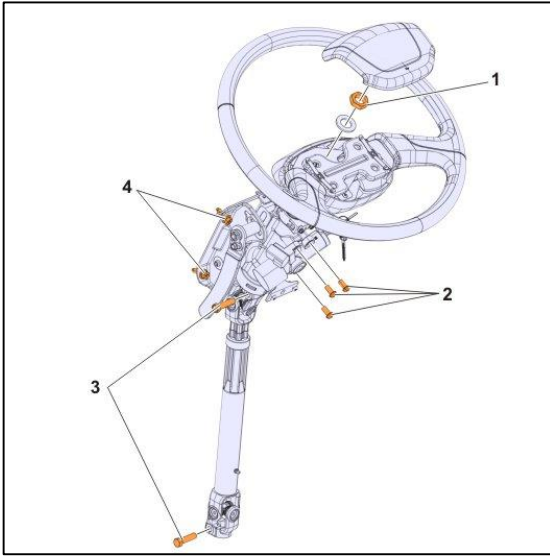




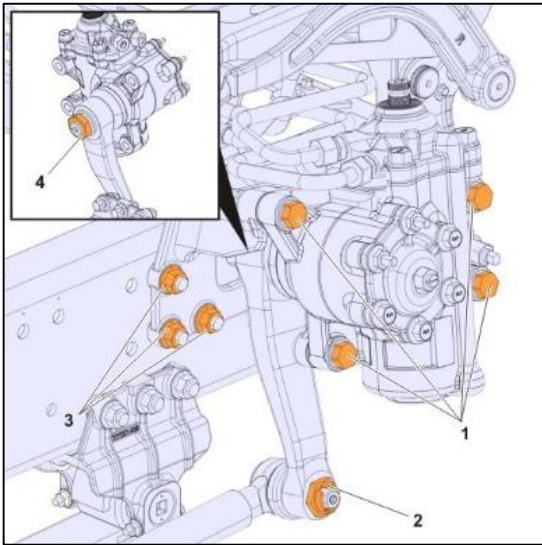
Trục trước và hệ thống lái

Hệ thống lái, lực siết



Mô tả		FAL4.2/ FAL5.0/ FAL5.5/ FAL6.0/ FAL6.5
1	Vô lăng, Đai ốc lục giác	85–112 Nm
2	Khóa lái vào cột lái, vít cắt	20 ± 3 Nm
3	Khớp nối chữ thập trục lái, vít	51–63 Nm
4	Lắp cột lái, vít	18 ± 2 Nm

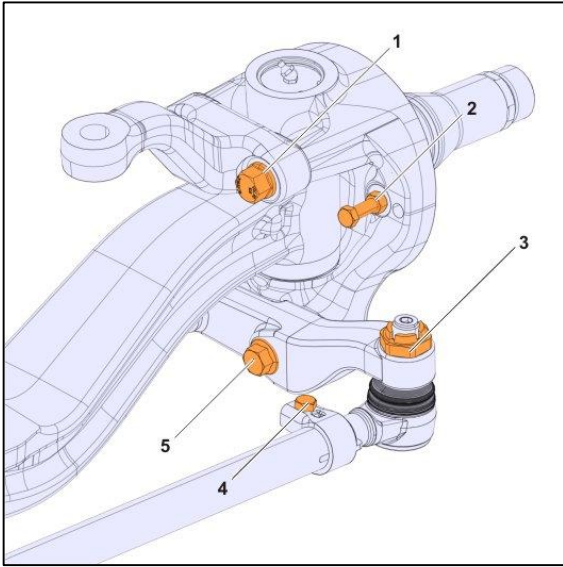
Bót lái, lực siết



Mô tả	FAL4.2	FAL5.0	FAL6.5	FAL6.0	FAL5.5	
1	Bót lái đến định vị bót lái, vít	275 ± 45 Nm	275 ± 45 Nm	<ul style="list-style-type: none"> 530 ± 40 Nm (STG22.4/STG26.2) 450 ± 50 Nm (STG20.4) 	<ul style="list-style-type: none"> 530 ± 40 Nm (STG22.4) 450 ± 50 Nm (STG20.4) 	450 ± 50 Nm
2	Thanh liên kết, khớp cầu, đai ốc khóa	225 ± 25 Nm	225 ± 25 Nm	<ul style="list-style-type: none"> 225 ± 25 Nm (M20) 275 ± 30 Nm (M24) 	<ul style="list-style-type: none"> 225 ± 25 Nm (M20) 275 ± 30 Nm (M24) 	<ul style="list-style-type: none"> 225 ± 25 Nm (M20) 275 ± 30 Nm (M24)
3	Định vị bót lái đến khung chassis, đai ốc	175 ± 30 Nm	175 ± 30 Nm	<ul style="list-style-type: none"> 275 ± 45 Nm (STG22.4/STG26.2) 175 ± 30 Nm (STG20.4) 	<ul style="list-style-type: none"> 275 ± 45 Nm (STG22.4) 175 ± 30 Nm (STG20.4) 	175 ± 30 Nm
4	Đòn quay lái, đai ốc	300 ± 30 Nm	300 ± 30 Nm	<ul style="list-style-type: none"> 420 ± 40 Nm (STG22.4/STG26.2) 300 ± 30 Nm (STG20.4) 	<ul style="list-style-type: none"> 420 ± 40 Nm (STG22.4) 300 ± 30 Nm (STG20.4) 	420 ± 40 Nm



Trục trước, lực siết



Mô tả	FAL4.2	FAL5.0/ FAL5.5	FAL6.0/ FAL6.5	
1	Cần trục chính đến khớp quay lái, vít	275 ± 27 Nm	365 ± 36 Nm	750 ± 75 Nm
2	Vít dừng và đai ốc đến khớp quay lái, đai ốc	80 ± 20 Nm	80 ± 20 Nm	200 ± 20 Nm
3	Thanh lái ngang – khớp cầu, đai ốc khoá	200 ± 20 Nm	275 ± 30 Nm	275 ± 30 Nm
4	Kẹp thanh lái ngang, vít và đai ốc	80 ± 10 Nm	80 ± 10 Nm	80 ± 10 Nm
5	Tay thanh lái ngang đến khớp quay lái, vít	275 ± 27 Nm	365 ± 36 Nm	750 ± 75 Nm